

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 3 - 2023

V/v “Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Toàn
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Thái V, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông Hồ Văn M, sinh năm 1957

3.3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T, anh V, ông M và bà K có mặt; bà U có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh V đã ly hôn theo Bản án số 113/2021/HNGĐ-ST, ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, khi ly hôn về tài chung chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn thì anh V không thực hiện theo sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản, nên chị T khởi kiện yêu cầu chia sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, gồm có: 01 căn nhà cấp 4 giá trị là 50.000.000 đồng, 08 con bò tổng giá trị là 180.000.000 đồng, 01 chuồng bò giá trị là 100.000.000 đồng, 01 nhà vệ sinh giá trị là 50.000.000 đồng, tiền mặt 40.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 420.000.000 đồng, tất cả các tài sản nêu trên hiện nay anh V đang quản lý, chị có yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 210.000.000 đồng. Đối với căn nhà, chuồng bò, nhà vệ sinh xây dựng trên đất cha, mẹ của anh V, chị T không tranh chấp quyền sử dụng đất gắn liền với các tài sản này.

Chị thống nhất với biên bản định giá tài sản ngày 22/9/2023 của Hội đồng định giá huyện Giồng Trôm. Chị T khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe mô tô Future biển số 71B3-45126, giá 22.000.000 đồng, chị T đang quản lý xe. Chị T yêu cầu nhận xe, chị T giao cho anh V $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 11.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị T rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp với anh V 08 con bò và số tiền 40.000.000 đồng. Chị T yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm: căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông, tổng giá trị tài sản là 86.200.000 đồng, các tài sản này anh V đang giữ, chị T yêu cầu chia đôi, chị T đồng ý để anh V tiếp tục quản lý, sử dụng, yêu cầu anh V giao cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 43.100.000 đồng; chiếc xe mô tô Future biển số 71B3-54126 giá 22.000.000 đồng, chị T đang giữ, chị T yêu cầu nhận xe, chị T giao cho anh V $\frac{1}{2}$ giá trị xe, số tiền 11.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa chị T vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu như trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là anh Hồ Thái V trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày như sau:

Đối với yêu cầu của chị T anh V xác định các tài sản chị T tranh chấp yêu cầu chia là tài sản chung của vợ chồng do anh chị tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, anh đồng ý chia đôi các tài sản là căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông, xe mô tô với tổng giá trị tài sản là 108.200.000 đồng, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 54.100.000 đồng, đồng ý để chị T nhận xe mô tô thanh toán lại cho anh V 11.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị xe, các tài sản còn lại anh V đang quản lý sử dụng anh V cho rằng hiện tại chưa có khả năng thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị lại cho chị T nên anh có ý kiến yêu cầu chia đôi các tài sản này.

Tại phiên tòa anh V vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà U có đơn yêu cầu giải quyết buộc anh V và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, đến ngày 03/8/2022 bà U rút đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tài phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị K thống nhất trình bày:

- Về các tài sản anh V và chị T đang tranh chấp là căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê gắn liền với một phần thửa đất số 79, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp 1(Hung Bình), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do ông M và bà K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với các tài sản anh V và chị T đang tranh chấp là tài sản của vợ chồng anh V và chị T không có liên quan gì đến ông bà.

Tại phiên tòa ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị K đồng ý để anh Hồ Thái V tiếp tục ở trên một phần thửa đất số 79, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.419 m², tại ấp 1 (Hung Bình), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và quản lý các tài sản trên đất gồm căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Bị đơn anh Hồ Thái V không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/3/2022, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Như vậy, anh V thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị U, ông Hồ Văn M, bà Nguyễn Thị K đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Buộc anh Hồ Thái V giao cho chị Nguyễn Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 43.100.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Anh Hồ Thái V được quản lý, sử dụng căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông.

Ghi nhận ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị K đồng ý để anh Hồ Thái V tiếp tục ở trên một phần thửa đất số 79, tờ bản đồ số 05, diện tích 2419 m², tại ấp 1 (Hưng Bình), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và quản lý các tài sản của anh Hồ Thái V trên đất gồm căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông.

Chị Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng xe mô tô biển số 71B3-54126.

Buộc chị Nguyễn Thị T giao cho anh Hồ Thái V $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là 08 (tám) con bò và số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị U về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Thái V liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ky hôn với anh Hồ Thái V. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị T xác định vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia tài sản sau khi ky hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh V có nơi cư trú tại ấp Hưng Bình, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T và anh V đã ly hôn theo Bản án số 113/2021/HNGĐ-ST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, khi ly hôn, tài sản chung chị T và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị T và anh V không thỏa thuận được việc chia tài sản chung nên chị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm: căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông, tổng giá trị tài sản là 86.200.000 đồng, các tài sản này anh V đang giữ, chị T yêu cầu chia đôi, chị T đồng ý để anh V tiếp tục quản lý, sử dụng, yêu cầu anh V giao cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 43.100.000 đồng, chiếc xe mô tô Future biển số 71B3-54126 giá 22.000.000 đồng, chị T đang giữ, chị T yêu cầu nhận xe, chị T giao cho anh V $\frac{1}{2}$ giá trị xe, số tiền 11.000.000 đồng.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh V trình bày thống nhất với nhau tài sản chung vợ chồng gồm: căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông, giá trị tài sản nêu trên là 86.200.000 đồng, các tài sản này anh V đang quản lý và xe mô tô Future biển số 71B3-54126 giá 22.000.000 đồng, chị T đang quản lý, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 108.200.000 đồng. Chị T và anh V đồng ý chia đôi tài sản chung mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tài sản. Do đó, việc chị T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm: căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông và xe mô tô Future biển số 71B3-54126 là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Chị T và anh V không thống nhất với nhau về cách thức chia các tài sản chung này. Chị T đồng ý để anh V tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông, yêu cầu anh V giao cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 43.100.000 đồng, chị T yêu cầu nhận xe mô tô Future biển số 71B3-54126, chị T đồng ý giao cho anh V $\frac{1}{2}$ giá trị xe, số tiền 11.000.000 đồng. Anh V đồng ý để chị T nhận xe mô tô, anh V đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô. Đối với các tài sản là nhà, nhà vệ sinh, chuồng bò, anh V hiện tại chưa có khả năng thanh toán cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị, anh có ý kiến chia đôi các tài sản này.

[2.4] Xét thấy, hiện tại anh V đang quản lý tài sản chung là căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông, các tài sản này xây cất trên một phần thửa đất số 79, tờ bản đồ số 05, diện tích 2,419 m², tại ấp 1 (Hưng Bình), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, do ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị K (cha, mẹ của anh V) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông M, bà K đồng ý để anh V tiếp tục ở trên đất và quản lý các tài sản trên đất. Nếu chia đôi mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tài sản sẽ ảnh hưởng đến kết cấu, giá trị tài sản. Vì vậy, cần giao anh V tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông. Buộc anh V giao cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 43.100.000 đồng. Chị T được quản lý, sử dụng xe mô tô Future biển số 71B3. Buộc chị T giao cho anh V $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 11.000.000 đồng.

[2.5] Ghi nhận ông Kiến, bà Mãi đồng ý để anh V tiếp tục ở trên một phần thửa đất số 79, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.419 m², tại ấp 1 (Hưng Bình), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và quản lý các tài sản của anh V trên đất gồm căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông.

[2.6] Chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 08 con bò và số tiền 40.000.000 đồng, nên cần đình chỉ yêu cầu này của chị T.

[2.7] Bà U yêu cầu chị T và anh V liên đới trả cho bà U số tiền 80.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà U rút yêu cầu độc lập nên đình chỉ yêu cầu này của bà U.

[3] Quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng là 1.130.000 đồng, chị T tự nguyện chịu và đã nộp xong nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh V mỗi người phải chịu 5% án phí của giá trị tài sản được chia là 54.100.000 đồng x 5% = 2.705.000 đồng. Anh V và chị T còn phải nộp số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213 Bộ luật Dân sự; Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với anh Hồ Thái V.

Anh Hồ Thái V được quyền quản lý, sử dụng căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng, sân bê tông tọa lạc tại ấp 1(Hưng Bình) xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm.

Ghi nhận ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị K đồng ý để anh Hồ Thái V tiếp tục ở trên một phần thửa đất số 79, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.419 m², tọa lạc tại ấp 1 (Hưng Bình), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và quản lý các tài sản của anh Hồ Thái V trên đất gồm căn nhà, chuồng bò phía sau nhà, mái che bên hông chuồng bò, nhà vệ sinh, hầm tự hoại, chuồng bò, hàng rào chuồng bò, sân bê tông.

Buộc anh Hồ Thái V giao cho chị Nguyễn Thị T ½ giá trị các tài sản anh V được quản lý sử dụng với số tiền là 43.100.000 (bốn mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng xe mô tô Future biển số 71B3-54126.

Buộc chị Nguyễn Thị T giao cho anh Hồ Thái V ½ giá trị xe mô tô Future biển số 71B3-54126 là 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 08 (tám) con bò và số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị U về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Thái V liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chị T tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 1.130.000 (một triệu một trăm ba mươi nghìn) đồng, ghi nhận chị T đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu là 2.705.000 (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn) đồng. Do chị T đã nộp tạm ứng án phí là 5.550.000 (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng nên được trừ theo các biên lai thu số 0004657, ngày 09/02/2022 với số tiền là 5.250.000 (năm triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng và biên lai thu số 0003151, ngày 09/3/2022 với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị Nguyễn Thị T được nhận số tiền còn lại 2.845.000 (hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

+ Buộc anh Hồ Thái V phải chịu là 2.705.000 (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

6. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án: trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ

